

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 5 năm 2012

Số: **580** /SKHCN-QLKH

V/v thông báo sơ tuyển đề tài nghiên
cứu khoa học và công nghệ
năm 2013 của TP.HCM

Kính gửi:

- Các Sở ban ngành, Quận, Huyện;
- Các trường Đại học, Viện nghiên cứu;
- Các cá nhân, tổ chức hoạt động KH&CN

- Căn cứ Quyết định số 3187/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2007 của UBNDTP về việc ban hành Quy chế quản lý các chương trình, đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ TP.HCM;
- Căn cứ vào định hướng Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ TP.HCM giai đoạn 2011-2015;
- Căn cứ mục tiêu và nội dung đề xuất của Ban chủ nhiệm các chương trình Khoa học - Công nghệ TP.HCM nhằm triển khai kế hoạch khoa học và công nghệ năm 2013;

Sở Khoa học và Công nghệ TP.HCM xin giới thiệu các mục tiêu và nội dung tập trung ưu tiên cho kế hoạch khoa học và công nghệ năm 2013 theo các lĩnh vực chủ yếu sau đây và các quy định các điều kiện cho cá nhân và tổ chức tham gia sơ tuyển đề tài. Các nội dung đặt hàng nghiên cứu khoa học và công nghệ bổ sung của Lãnh đạo thành phố sẽ được thông báo sau.

A - MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC NĂM 2013

1. Chương trình Công nghệ Thông tin và Điện tử Viễn thông
2. Chương trình Công nghệ Sinh học
3. Chương trình Vật liệu mới và Công nghệ Dược
4. Chương trình Quản lý Đô thị
5. Chương trình Môi trường, Tài nguyên và Biến đổi khí hậu
6. Chương trình Khoa học Xã hội và Nhân văn
7. Chương trình Giáo dục – Thể dục Thể thao và Phát triển nguồn nhân lực
8. Chương trình Công nghệ Công nghiệp và Tự động hóa
9. Chương trình Nông nghiệp và Công nghệ Thực phẩm
10. Chương trình Y tế
11. Chương trình Vườn ươm Sáng tạo Khoa học và Công nghệ trẻ
12. Chương trình Khoa học và Công nghệ Năng lượng
và các Dự án sản xuất thử - thử nghiệm

Chương trình số 1: Công nghệ Thông tin và Điện tử Viễn thông

*** Mục tiêu :**

- Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) phục vụ nhu cầu quản lý nhà nước trong quy hoạch đô thị, chống ngập, sử dụng đất, chống kẹt xe, môi trường .v.v;
- Tạo ra các dòng sản phẩm ứng dụng bản đồ số cho các thiết bị di động, phục vụ quản lý đối tượng (con người, vận tải, giao thông);
- Tạo ra các dòng sản phẩm điện tử có thể cạnh tranh với các sản phẩm hiện có nhập từ các nước trong khu vực...;
- Hướng tới nghiên cứu ra sản phẩm cụ thể phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của TP.HCM nói riêng và thị trường cả nước nói chung.

*** Nội dung :**

- (1). Nghiên cứu mô phỏng hiện trạng giao thông trên địa bàn thành phố, đề xuất giải pháp công nghệ phục vụ giải quyết ùn tắc giao thông cho thành phố;
- (2). Nghiên cứu cho ra các sản phẩm công nghệ, hệ thống thông tin địa lý giải quyết các bài toán phục vụ giao thông, quy hoạch đô thị, quản lý môi trường, y tế, an ninh xã hội thành phố;
- (3). Nghiên cứu các công nghệ mới, cải tiến các công nghệ đã có trên thế giới (RFID, Ipv4, Ipv6,...) nhằm tạo ra các dòng sản phẩm công nghệ phù hợp với điều kiện Việt Nam thay thế sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc, Đài Loan...;
- (4). Nghiên cứu và thiết kế các vi xử lý sử dụng trong lĩnh vực điện tử dân dụng nhằm thế dần các chip nhập khẩu nước ngoài, kết hợp với các công ty trên địa bàn TP;
- (5). Thiết kế, chế tạo thiết bị đọc thẻ (smart card), ứng dụng trong việc thanh toán điện tử, vé tàu điện, trạm thu phí giao thông...;
- (6). Nghiên cứu thiết kế, chế tạo những sản phẩm, linh kiện, vật liệu điện tử mới, như sản phẩm công nghệ nano, cảm biến, cơ điện tử,... phục vụ thiết kế, chế tạo các thiết bị;
- (7). Thiết kế, chế tạo các thiết bị kiểm định, kiểm chuẩn cho ngành điện, điện tử và các ngành khác;
- (8). Nghiên cứu xây dựng các phần mềm ứng dụng cho các cơ quan quản lý nhà nước nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, thống kê, dự báo, hoạch định kế hoạch của đơn vị;
- (9). Cứng hóa các hệ mã thông dụng dùng cho các ứng dụng liên quan đến an ninh thông tin. Nghiên cứu cơ bản về các phương pháp thám mã;
- (10). Ứng dụng công nghệ điện toán đám mây, giải pháp data center phục vụ nhu cầu cung cấp thông tin cho giáo dục, y tế, giải trí, trò chơi điện tử (game)...;
- (11). Nghiên cứu các giải pháp, ứng dụng liên quan đến các vấn đề về an ninh mạng, bảo vệ thông tin phục vụ quản lý nhà nước và hoạt động của doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn TP. HCM;
- (12). Nghiên cứu phần mềm quản lý hệ thống dựa trên công nghệ “Ảo hóa”, điện toán “Đám mây”, phục vụ việc chia sẻ thông tin cho các hệ thống cần nhu cầu tính toán lớn phục vụ: giao thông, y sinh học, hoá, môi trường.....;
- (13). Nghiên cứu các ứng dụng phần mềm nhúng phục vụ cho các ngành điện - điện tử, cơ khí, tự động hóa, máy móc thiết bị nhập từ nước ngoài (đã hết licence).

Chương trình số 2: Công nghệ Sinh học

*** Mục tiêu:**

- Nghiên cứu và tạo ra một số công nghệ mới trong các lĩnh vực: y dược, nông nghiệp, an toàn vệ sinh thực phẩm, vật liệu, bảo vệ môi trường;
- Phát triển và ứng dụng các công nghệ nền của công nghệ sinh học để sản xuất ở qui mô công nghiệp các sản phẩm sinh học có năng suất và chất lượng cao phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

*** Nội dung**

(1). Lĩnh vực Y dược:

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tế bào gốc phục vụ điều trị bệnh ở người;
- Nghiên cứu phát triển các bộ sinh phẩm chẩn đoán bệnh ở người;
- Nghiên cứu phát triển công nghệ sản xuất sản phẩm protein tái tổ hợp, kháng thể đơn dòng ứng dụng trong chẩn đoán và điều trị các bệnh khác nhau ở người;
- Nghiên cứu và sản xuất các loại vắc-xin thể hệ mới đáp ứng nhu cầu trong nước;
- Nghiên cứu các chất có hoạt tính sinh học từ động vật, thực vật và vi sinh vật để sản xuất các loại thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng.

(2). Lĩnh vực Nông nghiệp:

- Nghiên cứu tạo các giống cây nông nghiệp và cây lâm nghiệp mới, sạch bệnh, có năng suất, chất lượng cao;
- Nghiên cứu tạo giống, nhân giống, cải thiện giống vật nuôi, thủy sản có tầm quan trọng về kinh tế bằng công nghệ phôi, công nghệ gen;
- Nghiên cứu và nâng cao năng lực sản xuất vắc-xin thú y, đặc biệt là các công nghệ mới, vắc xin thể hệ mới.

(3). Lĩnh vực Bảo vệ môi trường:

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học để tạo các công nghệ, sản phẩm thân thiện với môi trường;
- Nghiên cứu sản xuất các chế phẩm sinh học trong xử lý và phục hồi môi trường bị ô nhiễm.

(4). Lĩnh vực Chế biến thực phẩm:

- Nghiên cứu các sản phẩm phân tích, xét nghiệm phục vụ công tác kiểm tra, giám sát an toàn vệ sinh thực phẩm.

Chương trình số 3: Vật liệu mới và Công nghệ Dược

*** Mục tiêu:**

- Xây dựng nền công nghệ vật liệu có cơ sở vững chắc và cơ cấu đồng bộ, tiến tới có đủ năng lực để đáp ứng nhu cầu sản xuất những vật liệu phục vụ các ngành công nghiệp như: năng lượng, xây dựng, cơ khí chế tạo máy, điện tử, hóa chất, bảo vệ môi trường...
- Nghiên cứu và triển khai sản xuất các loại vật liệu có tính năng kỹ thuật mới, hiện đại trên cơ sở nguồn nguyên liệu sẵn có trong nước và áp dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật trong và ngoài nước.
- Chú trọng hướng tới các loại vật liệu ứng dụng trong công nghệ dược.

- Gắn quá trình nghiên cứu với thực tiễn sản xuất của các doanh nghiệp được nhằm nâng cao năng lực sản xuất thuốc trong nước, ưu tiên các dạng bào chế công nghệ cao, chú trọng phát triển hóa dược và dược liệu.

*** Nội dung:**

(1). Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ:

Tiếp tục hướng tới nghiên cứu, cải tiến, hoàn thiện và chuyển giao các công nghệ vật liệu truyền thống, bao gồm:

- Vật liệu ceramic và các công nghệ gốm, sứ cổ điển, xi măng, thủy tinh, bột màu, men ...
- Vật liệu composit, vật liệu polyme, cao su và các công nghệ liên quan ...
- Vật liệu kim loại và Công nghệ vật liệu kim loại: đúc, nhiệt luyện, luyện kim, mạ, nhúng, phun.
- Chống ăn mòn kim loại bằng các chất ức chế, bảo vệ catốt.

(2). Nghiên cứu vật liệu tiên tiến:

Xây dựng và phát triển các công nghệ vật liệu mới, cụ thể là theo các hướng sau:

- Vật liệu nano với tính năng đặc biệt: CNT, OLED, solar cell, hạt kim loại kích thước nano dùng trong y tế...
 - Hệ phân tán và màng phủ.
 - Vật liệu có diện tích mặt ngoài lớn
 - Vật liệu xốp
 - Vật liệu nanocomposit
- Vật liệu polymer – composite có tính năng cao.
- Vật liệu kết khối, y sinh.
- Vật liệu hấp thu và chuyển đổi năng lượng sóng điện từ.
- Vật liệu lai hữu cơ- vô cơ:
 - Nghiên cứu công nghệ sản xuất các vật liệu khung hữu cơ – kim loại (metal-organic framework) ứng dụng trong kỹ thuật xúc tác, kỹ thuật lưu trữ khí (hydrogen, methane, biogas...) để tiến tới ứng dụng thay thế cho nguồn năng lượng truyền thống.
 - Nghiên cứu công nghệ chế tạo các loại vật liệu lai hữu cơ – vô cơ ứng dụng trong y khoa, và trong kỹ thuật xử lý môi trường.
- Vật liệu điện tử: Công nghệ sản xuất các loại vật liệu và linh kiện cảm biến (bán dẫn, siêu dẫn, các chất dẫn điện mới, gốm dẫn điện) sử dụng trong các thiết bị đo, thiết bị tự động hóa, sinh học, y học...
- Vật liệu màng mỏng: Nghiên cứu công nghệ chế tạo các loại màng có kích thước nano và micro như:
 - Màng bảo vệ cơ học, ứng dụng làm các lớp phủ chống mài mòn, bền nhiệt, bền hóa cho các dụng cụ khoan cắt, gọt, khuôn đúc, ...
 - Màng quang – điện (dẫn điện trong suốt, phản xạ, chống phản xạ, quang xúc tác, ...) ứng dụng trong công nghệ chế tạo cảm biến khí, pin mặt trời, led, bề mặt gốm hay thủy tinh tự làm sạch và diệt khuẩn, ... Các màng hợp chất Nitride (GaN, TMA, TMG,...) ứng dụng chế tạo UV-LED để diệt khuẩn trong nước sinh hoạt, thực phẩm, bảo vệ môi trường.
 - Màng nhiệt sắc, điện sắc ứng dụng cho cửa sổ thông minh, kính xây dựng, ...

(3). Công nghiệp Dược:

- Ưu tiên nghiên cứu và sản xuất thuốc mới từ nguồn dược liệu trong nước.
- Ưu tiên phát triển công nghệ sản xuất nguyên liệu hóa dược.
- Ưu tiên nghiên cứu triển khai bào chế các hệ thống trị liệu mới, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ mới trong bào chế và chiết xuất.
- Nghiên cứu phát triển thuốc mang tên gốc (thuốc generic) thay thế dược phẩm ngoại nhập.
- Xây dựng và chuẩn hoá các mô hình dược lý thực nghiệm để thử hiệu lực của thuốc trên một số bệnh có tần suất cao, dược lý tế bào, dược lý phân tử.
- Nghiên cứu phân tích kiểm nghiệm, tiêu chuẩn hóa phục vụ sản xuất dược phẩm.

Chương trình số 4: Quản lý Đô thị.

*** Mục tiêu:**

(1). Chương trình Quản lý đô thị tập trung nghiên cứu để xác lập các cơ sở khoa học nhằm giải quyết những vấn đề bức xúc của thành phố trong quá trình phát triển đô thị như:

- Vấn đề quy hoạch ngầm đô thị (hạ tầng kỹ thuật đô thị);
- Thoát nước - chống ngập đô thị;
- Tắc nghẽn giao thông và phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng;
- Quy hoạch và xây dựng đô thị;
- Đề xuất chính sách khả thi để phát triển nhà ở xã hội;
- Kinh tế đô thị ...

(2) Các vấn đề về cơ chế, chính sách, mô hình tổ chức quản lý... xã hội đô thị.

*** Nội dung:**

(1). Tổ chức quản lý giao thông đô thị:

- Mô hình và xây dựng hệ thống điều hành giao thông đô thị thích ứng hoàn cảnh TP.HCM (HCMC TOPIS);
- Nghiên cứu xây dựng và phát triển hệ thống giao thông công cộng “Mềm” thích ứng trong giai đoạn trước mắt 2012 – 2015 nhằm tăng năng lực vận chuyển hành khách công cộng TP.HCM.

(2). Thoát nước và chống ngập đô thị.

(3). Quy hoạch và tổ chức quản lý quy hoạch ngầm trong đô thị.

(4). Mô hình tổ chức quản lý quy hoạch và xây dựng trong đô thị:

- Đánh giá thực trạng tổ chức quản lý của các cấp chính quyền của thành phố;
- Nội dung công tác quản lý của các cấp;
- Công cụ quản lý;
- Nguồn nhân lực quản lý.

(5) Mô hình tổ chức quản lý không gian đô thị đi bộ.

(6). Vấn đề về dân nhập cư và cơ chế, chính sách tổ chức quản lý dân cư đô thị.

(7). Kinh tế đô thị liên quan đến:

- Vấn đề phát triển hệ thống hạ tầng giao thông đô thị và
- Nhà ở cho dân cư đô thị có thu nhập thấp.

(8). Bất động sản:

- Cơ chế, chính sách vận hành thị trường bất động sản;
- Cơ chế, chính sách để tạo quỹ đất phát triển đô thị;
- Cơ chế, chính sách cho vấn đề xã hội hóa cơ sở hạ tầng của ngành y tế, giáo dục.

(9) . Chương trình nhà ở xã hội:

- Công nghệ xây dựng;
- Giá thành nhà ở.

Chương trình số 5: Môi trường, Tài nguyên và Biến đổi khí hậu

*** Mục tiêu:**

1. Triển khai các nội dung nghiên cứu khoa học phục vụ cho các chương trình lớn cũng như một số quy hoạch của thành phố: Chương trình đột phá về Bảo vệ môi trường của Thành ủy; Chương trình Nông thôn mới của Bộ Chính trị và Thành ủy; Chương trình Phát triển đô thị định hướng đến 2025 của TP. Hồ Chí Minh;
2. Xây dựng và đề xuất cơ sở khoa học và thực tiễn, các giải pháp công nghệ và quản lý có hiệu quả nhằm đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên tại TP. Hồ Chí Minh, góp phần bảo vệ môi trường hệ thống lưu vực sông Đồng Nai và góp phần phát triển bền vững đất nước;
3. Nghiên cứu giải pháp công nghệ và quản lý nhằm bước đầu giảm thiểu các ảnh hưởng tiêu cực và thích ứng với biến đổi khí hậu.

*** Nội dung:**

(1). Quản lý môi trường:

- Nghiên cứu xây dựng phương pháp luận và tính toán chỉ số phát triển bền vững về tài nguyên và môi trường tại TP.Hồ Chí Minh;
- Nghiên cứu xây dựng quy hoạch môi trường và quy hoạch bảo vệ môi trường TP.Hồ Chí Minh đến năm 2020, định hướng đến năm 2025;
- Nghiên cứu đề xuất hệ thống chính sách quản lý môi trường phù hợp; cải cách hành chính trong lĩnh vực quản lý môi trường; xây dựng hệ thống tổ chức QLMT phù hợp với điều kiện cụ thể TP. Hồ Chí Minh;
- Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách phục vụ công tác bảo vệ môi trường và tài nguyên, đặc biệt áp dụng kỹ thuật thân thiện môi trường, kỹ thuật sinh thái trong bảo vệ môi trường KCN và khu dân cư;
- Nghiên cứu đề xuất các giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển công nghiệp môi trường tại TP. Hồ Chí Minh ; nghiên cứu xây dựng quy hoạch ngành công nghiệp môi trường TP. Hồ Chí Minh đến năm 2020; nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ phát triển ngành công nghiệp môi trường;
- Nghiên cứu và đề xuất các chính sách xây dựng xã hội thải carbon thấp (Low Carbon Society);
- Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách và chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt, CTRCN, CTNH tại TP.Hồ Chí Minh.
- Đề xuất các cơ chế tài chính thích hợp cho các hoạt động tái chế, tái sử dụng và giảm thiểu (3R) chất thải bền vững tại TP.Hồ Chí Minh;
- Nghiên cứu cơ chế thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng vào hoạt động xã hội hóa nguồn tài chính cho các hoạt động bảo vệ môi trường;
- Nghiên cứu và đề xuất mô hình quản lý môi trường dựa vào cộng đồng;
- Nghiên cứu cơ chế phối hợp liên ngành và liên vùng trong quản lý môi trường của TP. Hồ Chí Minh;
- Xây dựng ngân hàng dữ liệu về môi trường và tài nguyên tại TP.Hồ Chí Minh;
- Nghiên cứu quản lý năng lượng ở các trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung ở TP. Hồ Chí Minh. Xây dựng công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt chi phí năng lượng thấp và định hướng tái sử dụng;

- Nghiên cứu giải pháp tăng cường cơ chế phối hợp mang tính chất liên ngành, liên vùng trong quản lý môi trường (quản lý tài nguyên nước, quản lý chất thải rắn);

(2). Công nghệ môi trường:

- Nghiên cứu áp dụng các công nghệ mới, công nghệ thích hợp nhằm giảm thiểu ô nhiễm do khí thải, nước thải, chất thải rắn tại TP. Hồ Chí Minh;
- Nghiên cứu các công nghệ tái chế, tái sử dụng và giảm thiểu ô nhiễm CTR đô thị, CTRCN, CTNH có hiệu suất cao và mức sử dụng năng lượng thấp;
- Nghiên cứu các công nghệ thích hợp nhằm hạn chế ô nhiễm do khí thải giao thông;
- Đánh giá công nghệ XLNT sinh hoạt phù hợp với điều kiện TP. Hồ Chí Minh Thử nghiệm tại Nhà máy Bình Hưng Hòa hay Bình Hưng;
- Nghiên cứu công nghệ tái chế, tái sử dụng nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp;
- Nghiên cứu đề xuất quy trình công nghệ xử lý chất thải y tế bằng công nghệ không đốt quy mô nhỏ;
- Nghiên cứu ứng dụng các nguồn năng lượng tái tạo (mặt trời, gió, biogas, biomas ...) thích hợp với điều kiện thực tế TP. Hồ Chí Minh nhằm giảm thiểu phát thải khí nhà kính;
- Nghiên cứu công nghệ xử lý đất có chứa các chất ô nhiễm khó phân hủy (PCB, thuốc BVTV, dầu mỡ, kim loại nặng ...);
- Nghiên cứu tăng cường sử dụng năng lượng sinh khối từ chất thải hữu cơ nông nghiệp, dân dụng và công nghiệp (sản xuất nhiên liệu sinh học, sản xuất biogas, v.v....).

(3). Lĩnh vực Tài nguyên:

- Đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường đáp ứng với quy hoạch khai thác và sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên tại TP. Hồ Chí Minh (tài nguyên đất, nước mặt, nước ngầm, rừng, biển ...);
- Quản lý tài nguyên nước TP.HCM/vùng KTTĐ phía Nam, lưu vực hệ thống sông Đồng Nai trước tác động của biến đổi khí hậu;
- Đánh giá mức độ khan hiếm nguồn tài nguyên nước ngọt cho TP Hồ Chí Minh dựa trên chỉ số áp lực về nước (Water Stress Index-WSI), ở các kịch bản quy hoạch phát triển TP đến năm 2030 và kịch bản biến đổi khí hậu khi mực nước biển dâng, từ đó đề xuất các giải pháp tổng thể giảm thiểu chỉ số WSI;
- Đánh giá mức độ tổn thương (vulnerability) của tầng nước ngầm ở các khu công nghiệp từ các số liệu giám sát chất lượng và mực nước ngầm ở TP. Hồ Chí Minh từ đó đánh giá rủi ro và đề xuất các giải pháp quản lý giảm thiểu tính tổn thương;
- Đánh giá ảnh hưởng của hệ thống các đập thủy điện trên thượng nguồn tới chất lượng nước tại hạ lưu khu vực TP. Hồ Chí Minh.

(4). Lĩnh vực Biến đổi khí hậu:

- Nghiên cứu, đánh giá những tác động của biến đổi khí hậu đến vấn đề ngập lụt; hiện trạng và quy hoạch xây dựng các công trình giao thông; quy hoạch sử dụng đất; hiện trạng và quy hoạch các bãi chôn lấp chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh từ đó xây dựng kế hoạch hành động thích hợp;
- Nghiên cứu đánh giá những ảnh hưởng của mực nước biển dâng tới các vùng dễ bị tổn thương, trong đó tập trung nghiên cứu các khu dân cư tập trung và

xác định số dân, đặc biệt là số dân nghèo tại TP.Hồ Chí Minh bị ảnh hưởng tương ứng với các kịch bản biến đổi khí hậu khác nhau;

- Xây dựng hệ thống lưu trữ cơ sở dữ liệu phục vụ đánh giá tác động, xây dựng và thực hiện các giải pháp giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu.
- Xây dựng hệ thống cảnh báo sớm trong phòng chống thiên tai do biến đổi khí hậu cho TP.Hồ Chí Minh;
- Nghiên cứu và đánh giá các tác động của biến đổi khí hậu đến TP. Hồ Chí Minh về mặt con người, môi trường, kinh tế, xã hội;
- Nghiên cứu tác động của BĐKH tới nông nghiệp, tới sức khỏe cộng đồng tại TP.Hồ Chí Minh;
- Nghiên cứu giải pháp ứng phó biến đổi khí hậu của các doanh nghiệp, khu công nghiệp và khu chế xuất TP. Hồ Chí Minh;
- Nghiên cứu và đánh giá trữ lượng cấp nước ngọt an toàn lưu vực hệ thống sông Đồng Nai trong bối cảnh biến đổi khí hậu;
- Nghiên cứu tác động của biến đổi khí hậu đến sức khỏe cộng đồng tại TP.Hồ Chí Minh;
- Lập bản đồ phân vùng nguy cơ xảy ra sạt lở bờ sông dưới tác động của BĐKH;
- Nghiên cứu triển khai thử nghiệm mô hình đê bao bằng túi cao su mềm nhằm hạn chế tác động của BĐKH;

Chương trình số 6 : Khoa học Xã hội và Nhân văn

*** Mục tiêu :**

Quán triệt mục tiêu 5 năm (2011- 2015), đề tài Khoa học xã hội và Nhân văn năm 2012 – 2013 vừa mở đầu thực hiện những vấn đề đã được xác định trong 5 năm, vừa nghiên cứu những vấn đề cấp bách, mới nảy sinh để cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc xác định các chính sách, giải pháp cụ thể để thực hiện nghị quyết Đại hội IX của Đảng bộ thành phố, Nghị quyết Đại hội XI của Đảng, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội của thành phố đến năm 2020. Cụ thể các đề tài Khoa học xã hội và nhân văn phục vụ cho:

1. Chuyển đổi mô hình tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng nâng cao chất lượng phát triển và năng lực cạnh tranh; ưu tiên nghiên cứu các hướng đột phá chiến lược, các chương trình đột phá của thành phố, giải quyết những bức xúc hiện nay của đời sống kinh tế;
2. Phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội ở thành phố trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Giải quyết những lĩnh vực xã hội bất cập, bức xúc hiện nay;
3. Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao;
4. Phát triển văn hóa đồng bộ với phát triển kinh tế;
5. Xây dựng hệ thống chính trị, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu quả hiệu lực quản lý của chính quyền, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tính năng động sáng tạo của nhân dân thành phố.

*** Nội dung:**

(1). Những vấn đề chung:

- Tổng kết quá trình đổi mới của thành phố- Những bài học kinh nghiệm;
- Nghiên cứu đề xuất cơ chế quản lý phát triển kinh tế - xã hội vùng lãnh thổ và địa phương - Trường hợp vùng đô thị TP.Hồ Chí Minh;
- Nghiên cứu các cộng đồng ở TP. Hồ Chí Minh: Lịch sử, hiện tại và triển vọng.

(2). Những vấn đề kinh tế và quản lý:

- Nghiên cứu thực trạng và giải pháp hoàn thiện các loại thị trường trên địa bàn thành phố (tài chính, bất động sản, lao động, ...);
- Giải pháp cho vấn đề chống lạm phát, ổn định an sinh xã hội, bảo đảm phát triển nhanh và bền vững;
- Nghiên cứu đánh giá sự chuyển dịch cơ cấu 4 nhóm ngành công nghiệp chủ lực theo tinh thần nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ VIII và IX (cơ khí; điện tử - viễn thông - tin học; công nghiệp hoá chất và dược phẩm; chế biến lương thực - thực phẩm giá trị gia tăng cao) và hướng phát triển tiếp theo;
- Nghiên cứu đánh giá chuyển dịch cơ cấu 9 nhóm ngành dịch vụ theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ VIII và IX;
- Nghiên cứu đánh giá tác động, ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế - tài chính – các giải pháp duy trì ổn định phát triển kinh tế thành phố;
- Tổng kết mô hình nhượng quyền thương mại (franchise), các ứng dụng hiệu quả cho thành phố;
- Phát triển kinh doanh hiệu quả và nâng cao khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp trên địa bàn TP Hồ Chí Minh trong bối cảnh hội nhập quốc tế;
- Các chương trình trọng điểm phát triển kinh tế - xã hội của TP Hồ Chí Minh. Thực trạng, xu hướng và các giải pháp thúc đẩy phát triển đến năm 2015;
- Đánh giá vai trò đầu tàu kinh tế của TP. Hồ Chí Minh đối với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và các giải pháp thúc đẩy phát triển;
- Các nguồn lực tài chính cho phát triển cơ sở hạ tầng và đầu tư tại TP. HCM;
- Các giải pháp thúc đẩy xúc tiến thương mại và kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ của các doanh nghiệp trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay;
- Các giải pháp kinh tế, tài chính hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh;
- Phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ nhằm thu hút dòng vốn FDI và phát triển các ngành công nghiệp trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh;
- Tổng kết mô hình chợ đầu mối nông sản tại TP. Hồ Chí Minh, các ứng dụng hiệu quả cho thành phố trong tương lai (2011 – 2015);
- Nghiên cứu tiếp cận mô hình phát triển đô thị bền vững gắn với kiến nghị cơ cấu đầu tư, cơ cấu kinh tế và tăng trưởng kinh tế bền vững;
- Nghiên cứu đề xuất cơ chế quản lý phát triển kinh tế xã hội vùng lãnh thổ và địa phương theo Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng và địa phương;
- Nghiên cứu đề xuất cơ chế chính sách động lực nhằm thúc đẩy việc huy động và phát triển các nguồn lực (nhân lực, đất đai, vốn – tài chính, công nghệ) để phát triển thành phố theo Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội TP. Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025.

(3). Những vấn đề xã hội:

- Đặc điểm xã hội và quản lý xã hội ở TP. Hồ Chí Minh qua các thời kỳ lịch sử.
- Những yếu tố tác động đến phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội ở TP. HCM thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.
- Các tổ chức xã hội và sự phát triển xã hội ở TP. Hồ Chí Minh;
- Tác động của quan hệ tộc người, tôn giáo đến phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội ở TP. Hồ Chí Minh thời kỳ CNH-HĐH và hội nhập quốc tế;

- Điều tra, đánh giá hệ thống bảo trợ xã hội, đề xuất mô hình phúc lợi xã hội dành cho công nhân khu công nghiệp, khu chế xuất TP. Hồ Chí Minh;
- Giải pháp tăng cường ý thức kỷ luật, ý thức công dân cho cư dân thành phố.

(4). Những vấn đề văn hóa, con người và truyền thống lịch sử:

- Nghiên cứu trình độ phát triển văn hóa kinh doanh tại TP. Hồ Chí Minh ở cấp độ xã hội và, văn hóa doanh nghiệp ở cấp độ công ty (có chú ý đến vai trò thúc đẩy của Nhà nước, các hiệp hội doanh nhân và truyền thông đại chúng);
- Khuynh hướng phát triển của các gia đình trẻ;
- Những hiện tượng mới của hôn nhân xuyên quốc gia;
- Tình trạng buôn bán phụ nữ và trẻ em; nạn mại dâm; bạo lực gia đình đối với phụ nữ;
- Khảo sát và đánh giá sự đáp ứng của các tầng lớp cư dân đô thị đối với cuộc vận động xây dựng văn minh đô thị và đề xuất những giải pháp nhằm làm cho những giá trị ứng xử văn hóa nơi công cộng được gìn giữ và phát triển lâu bền trong lối sống thị dân;
- Khảo sát những khía cạnh thành công thực chất của cuộc vận động xây dựng gia đình văn hóa, khu phố văn hóa tại TP. Hồ Chí Minh và những vấn đề còn tồn tại, nhằm đề xuất những cải tiến căn bản cho việc hình thành những giá trị đích thực trong đời sống gia đình và các cụm dân cư đô thị;
- Nhận biết sự biến đổi nhu cầu và thị hiếu của các tầng lớp thị dân đối với các loại hình văn hóa - nghệ thuật và đề xuất các cung cách để thỏa mãn các nhu cầu ấy;
- Nghiên cứu tác động của các phương tiện truyền thông đến lối sống của thanh thiếu niên TP. HCM (cụ thể trong bối cảnh “xã hội hóa” các loại hình truyền thông hiện nay);
- Khảo sát và đánh giá đặc điểm, thế mạnh và những hạn chế còn tồn tại trong hoạt động giao lưu văn hóa của thanh niên thành phố với tuổi trẻ đô thị trên thế giới thông qua du lịch, du học, các cuộc đua tài trong thể thao, khoa học và nghệ thuật – coi đây cũng là một kênh giao lưu và tái tạo văn hóa quan trọng của một đô thị lớn.

(5). Về hệ thống chính trị:

- Nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với chính quyền các cấp trong điều kiện xây dựng chính quyền đô thị;
- Nghiên cứu mô hình tổ chức, nội dung, phương thức hoạt động của tổ chức Đảng và các đoàn thể chính trị trong khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài;
- Đánh giá kết quả cuộc đấu tranh phòng chống tham nhũng, thực hiện các Nghị quyết của Đảng trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh;
- Khảo sát, đánh giá thí điểm mô hình “chính quyền đô thị” cấp quận, phường theo Nghị quyết Trung ương 5 (Khóa X);
- Các giải pháp giáo dục, nâng cao ý thức pháp luật, tinh thần trách nhiệm cho đội ngũ công nhân viên chức;
- Nghiên cứu chức năng của nền dịch vụ hành chính bảo đảm sự phát triển đô thị bền vững;
- Phân tích chỉ số PCI TP. Hồ Chí Minh, vai trò Nhà nước trong quản lý kinh tế.

Chương trình số 7: Giáo dục – Thể dục Thể thao và phát triển nguồn nhân lực

I. Lĩnh vực Giáo dục đào tạo và phát triển nguồn nhân lực:

*** Mục tiêu:**

Nghiên cứu các mô hình giáo dục và đào tạo khu vực, thế giới và thực tiễn đất nước, góp phần hoàn thiện và phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo thành phố Hồ Chí Minh đạt trình độ tiên tiến ngang tầm với khu vực và phục vụ cho Chương trình phát triển nguồn nhân lực TP. Hồ Chí Minh.

*** Nội dung:**

(1). Giáo dục đào tạo:

- Các giải pháp giáo dục toàn diện: giáo dục đạo đức, thẩm mỹ, bản sắc dân tộc, tính nhân văn và ý thức công dân cho thế hệ trẻ;
- Tổng kết, nghiên cứu tiếp cận các mô hình và nội dung giáo dục phổ thông của khu vực và thế giới. Từ đó đề ra những cơ chế, giải pháp để giải quyết các vấn đề của giáo dục – đào tạo tại TP. Hồ Chí Minh;
- Đánh giá hoạt động của một số trường phổ thông có yếu tố nước ngoài;
- Nghiên cứu triển khai thử nghiệm các giải pháp kiểm định chất lượng đào tạo bậc THPT;
- Cơ chế chính sách về dạy nghề tại các doanh nghiệp và liên kết dạy nghề giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp;
- Mô hình liên kết đào tạo theo hướng chuẩn hóa trình độ kỹ năng nghề khu vực ASEAN;
- Đánh giá chất lượng giáo dục đại học TP. Hồ Chí Minh theo chuẩn AUN.

(2). Đào tạo nguồn nhân lực:

- Nghiên cứu đánh giá nguồn nhân lực của thành phố hiện nay;
- Nghiên cứu các giải pháp đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực trình độ cao phục vụ cho sự phát triển cao của thành phố;
- Nghiên cứu đánh giá đội ngũ cán bộ quản lý các cấp trong chính quyền đô thị, đoàn thể của TP. Hồ Chí Minh hiện nay- Giải pháp nâng cao chất lượng;
- Nghiên cứu cơ chế đào tạo đội ngũ chuyên gia một số lĩnh vực ưu tiên phát triển của thành phố: quản lý đô thị, sức khỏe cộng đồng, vệ sinh an toàn thực phẩm ...;
- Nghiên cứu xây dựng TP. Hồ Chí Minh trở thành một trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học có chất lượng cao của cả nước và khu vực;

II. Lĩnh vực Thể dục thể thao:

*** Mục tiêu:**

- Thực hiện các nội dung khoa học và công nghệ theo Nghị quyết 08 – BCT về tăng cường phát triển mạnh mẽ TT Việt Nam năm 2012 và Chương trình hành động...;
- Thực hiện Chương trình phát triển thể lực và tầm vóc của người Việt Nam.

*** Nội dung:**

- Phát triển thể dục thể thao cho mọi người theo xu hướng nâng cao sức khỏe, giải trí tinh thần và hòa nhập cộng đồng (TT khuyết tật, người lớn tuổi, phụ nữ,);
- Phát triển 12 môn thể thao trọng điểm của thành phố;
- Phát triển các môn thể thao Olympic và chuyên nghiệp có ưu thế ở TP. Hồ Chí Minh và các môn tiềm năng;
- Nâng cao chất lượng giáo dục nội, ngoại khóa thông qua việc tập luyện các môn thể thao;

- Nghiên cứu các hoạt động nhằm đẩy mạnh công nghiệp thể thao (kinh doanh thể thao) trong các lĩnh vực: thể thao giải trí, truyền thông thể thao, hoạt động sự kiện, tổ chức sự kiện...

Chương trình số 8: Công nghệ Công nghiệp và Tự động hóa

*** Mục tiêu:**

- Đẩy mạnh tiến trình đổi mới công nghệ và nâng cao hiệu suất các trang thiết bị phương tiện kỹ thuật nhằm mục tiêu nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, đáp ứng yêu cầu tự động hoá và hiện đại hóa các ngành sản xuất ở TP. Hồ Chí Minh. Trong đó tập trung cho các ngành mũi nhọn (Cơ khí chế tạo máy; Điện tử - viễn thông - công nghệ thông tin; Hoá chất – Cao su - Nhựa; Chế biến tinh lương thực thực phẩm), các ngành còn lạc hậu, các ngành kỹ thuật cao có tiềm năng gia tăng giá trị hàng hóa, sản phẩm; phát triển đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu; nâng cao tính cạnh tranh của sản phẩm;
- Phát huy vai trò của công nghệ tự động hóa trong việc giải quyết các vấn đề cấp bách của thành phố như giao thông, ngập nước, quản lý đô thị, môi trường độc hại v.v...;
- Khai thác tiềm lực khoa học - công nghệ của toàn xã hội tạo mối liên kết chặt chẽ giữa cơ quan quản lý nhà nước - các doanh nghiệp, thị trường – cơ quan nghiên cứu, đào tạo, để đẩy nhanh tốc độ phát triển tự động hóa trên các lĩnh vực; chú trọng hỗ trợ công nghiệp, nông nghiệp, quản lý sản xuất, dịch vụ... nhằm tạo ra một cơ cấu phát triển có tính thực tiễn, hiệu quả và bền vững.

*** Nội dung:**

(1). Các giải pháp tự động hoá chuyên sâu cho lĩnh vực sản xuất công nghiệp theo 4 lĩnh vực ưu tiên: Cơ khí chế tạo máy, Điện tử - Viễn thông - Công nghệ thông tin, Hoá chất, Chế biến tinh lương thực thực phẩm:

- Nâng cao độ chính xác và năng suất máy đóng gói tự động (từ độ chính xác 0,5:1% lên 0,1%, ở tốc độ 14 bao (kg)/phút - phục vụ đóng gói thuốc trừ sâu;
- Nghiên cứu thiết kế và chế tạo thử nghiệm hệ thống tự động dự báo và cân bằng tàu thủy;
- Nghiên cứu thiết kế và chế tạo thử nghiệm hệ thống phát hiện chai bị lỗi (dơ, mẻ, ...) trong dây chuyền sản xuất bia và nước giải khát;
- Nghiên cứu cấu trúc và công nghệ chế tạo các loại LED từ dây bước sóng hồng ngoại, khả kiến, cực tím cho các ứng dụng điện tử và môi trường;
- Nghiên cứu công nghệ robot phục hồi chức năng cho khớp – Chế tạo robot vật lý trị liệu cho khớp gối, ứng dụng vào các bài tập giảm độ cứng khớp, hay các bài tập phục hồi phạm vi chuyển động cho khớp;
- Nghiên cứu robot bộ xương ngoài cho chi dưới – hệ thống hỗ trợ lực cho chuyển động bước đi của người khuyết tật, bại liệt, hoặc người già;
- Nghiên cứu thiết kế, chế tạo xe máy, ô tô tải Hybrid;
- Nghiên cứu thiết kế, chế tạo xe máy, ô tô, xe bus chạy điện và các phụ tùng như pin charge;
- Nghiên cứu thiết kế, chế tạo dây chuyền hoặc một số công đoạn sản xuất công nghiệp dây cáp điện, hàn, giấy, dệt-may, đóng gói (bao gói đèn LED,...);
- Nghiên cứu thiết kế chế tạo thiết bị phục vụ ngành nhựa, cao su;
- Nghiên cứu thiết kế chế tạo thiết bị phục vụ ngành hoá chất;
- Nghiên cứu thiết kế chế tạo thiết bị phục vụ ngành hoá dược, sản xuất thuốc;
- Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo thiết bị cho ngành y tế (hỗ trợ phẫu thuật, vật lý

trị liệu,...);

- Nghiên cứu thiết kế và chế tạo robot công nghiệp phục vụ cho một số ngành (xây dựng, đóng tàu, kết cấu thép cỡ lớn, bồn bể chịu áp lực...);
- Nghiên cứu và xây dựng các hệ thống giám sát và điều khiển có độ tích hợp và mức tự động hoá nâng cao cho các doanh nghiệp sản xuất;
- Nghiên cứu thiết kế và chế tạo các thiết bị đo kiểm chất lượng sản phẩm;
- Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo các thiết bị điện tử, cụm thiết bị tự động,... phục vụ cho sản xuất và đời sống;
- Nghiên cứu, thiết kế và tích hợp hệ thống giám sát, điều khiển các quá trình công nghệ hoá học phục vụ sản xuất hoá chất, dầu khí, chế biến thực phẩm, dược phẩm ...;
- Nghiên cứu công nghệ và chế tạo thiết bị tự động hoặc bán tự động để chế biến tinh lương thực: các dây chuyền hoặc công đoạn xử lý chế biến lương thực (xay xát, tinh lọc, phân loại sản phẩm...);
- Nghiên cứu công nghệ và chế tạo thiết bị tự động hoặc bán tự động để chế biến tinh thực phẩm: các dây chuyền hoặc công đoạn xử lý chế biến thực phẩm (tinh luyện, chế biến, phân loại sản phẩm...);
- Nghiên cứu công nghệ và chế tạo thiết bị sản xuất muối tinh;
- Chế tạo thiết bị phân loại, kiểm tra sản phẩm ứng dụng công nghệ xử lý ảnh;
- Hoàn thiện thiết kế chế tạo các hệ thống xử lý rác và nước thải;
- Nghiên cứu công nghệ hệ thống vi cơ điện tử (MEMS), hệ thống nano cơ điện tử (NEMS), cảm biến theo nguyên lý mới và thiết bị sử dụng hệ thống vi cơ điện tử, hệ thống nano cơ điện tử.

(2). Các giải pháp tự động hoá cho lĩnh vực sản xuất nông nghiệp

- Nghiên cứu công nghệ và thiết kế, chế tạo các thiết bị cơ khí hoá - tự động hoá thích hợp cho quá trình hoặc một số công đoạn canh tác và thu hoạch trong sản xuất nông nghiệp ở khu vực phía nam;
- Nghiên cứu chế tạo thiết bị và kỹ thuật san phẳng được điều khiển tự động bằng công nghệ Laser, ứng dụng trong xây dựng, san phẳng đồng ruộng...;
- Nghiên cứu hoàn thiện chế tạo các hệ thống sản xuất chế phẩm sinh học;
- Nghiên cứu thực trạng và giải pháp sử dụng hiệu quả máy nông nghiệp ở khu vực phía nam và đề xuất các nghiên cứu cấp thiết cho lĩnh vực này;
- Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo hệ thống/dây chuyền giết mổ gia súc/gia cầm cung cấp sản phẩm thịt gia súc/gia cầm đạt chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm;
- Nghiên cứu hoàn thiện thiết kế chế tạo các hệ thống sấy và bảo quản nông sản thực phẩm theo hướng năng suất cao, tự động hóa, và đảm bảo các tiêu chuẩn môi trường và an toàn vệ sinh thực phẩm;
- Nghiên cứu hoàn thiện thiết kế chế tạo thiết bị phục vụ chế biến cacao;
- Nghiên cứu thiết kế, chế tạo dây chuyền sản xuất thức ăn nổi cho thủy sản;
- Triển khai các dự án nhà nhà trồng cây được điều khiển tự động các chế độ tiêu khí hậu, CO₂, tưới,... phục vụ sản xuất các loại cây hoặc nấm có giá trị kinh tế cao.

(3). Các giải pháp, phương tiện thiết bị năng lượng

- Hệ thống giám sát, điều khiển và quản lý năng lượng cho các dây chuyền sản xuất phục vụ tiết kiệm điện năng;
- Nâng cao chất lượng và khả năng tiết kiệm điện cho ballast điện tử ứng dụng thực tế cho đèn huỳnh quang và đèn compact;

- Chế tạo và nghiên cứu tính chất quang điện của Pin mặt trời cấu trúc chuyển tiếp dị thể trên nền vật liệu a-Si:H bằng phương pháp PECVD;
- Nghiên cứu công nghệ và thiết bị đầu nguồn giúp điều hòa và tiết kiệm năng lượng điện trong các nhà máy, xưởng sản xuất;
- Nghiên cứu ứng dụng các thiết bị công nghệ mới có tính năng tiết kiệm năng lượng;
- Nghiên cứu xây dựng các hệ thống khai thác nguồn năng lượng tái tạo (gió, bức xạ mặt trời,...) như mái nhà điện mặt trời, inverter thông minh, bộ hoà lưới điện quốc gia...;
- Nghiên cứu giải pháp công nghệ và chế tạo thiết bị chuyển đổi năng lượng tái tạo;
- Nghiên cứu công nghệ và thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời và gió;
- Nghiên cứu công nghệ và thiết bị năng lượng tái tạo như Biogas, Biomass...;

(4). Các giải pháp, phương tiện, thiết bị phục vụ quản lý đô thị của thành phố
(Giao thông, ngập nước, chiếu sáng, chống ô nhiễm môi trường,...)

- Nghiên cứu xây dựng hệ giám sát và điều khiển giao thông cho các điểm nút quan trọng của thành phố;
- Nghiên cứu tích hợp hệ thống điều khiển giao thông, xây dựng trung tâm điều khiển giao thông thành phố;
- Nghiên cứu hệ cảnh báo và barie tự động cho các tuyến ngang đường sắt đi qua thành phố;
- Nghiên cứu xây dựng hệ thống SCADA cho quang trắc thủy văn; kiểm soát các thông số nước thải ra môi trường; kiểm soát mực nước ở các đập cống, trạm bơm, giám sát ngập úng; chẩn đoán phục vụ duy tu, giám sát các hệ thống phục vụ giao thông (bảo trì cho đường sá, cầu cống);
- Nghiên cứu xây dựng hệ thống giám sát và điều khiển đèn chiếu sáng công cộng dựa trên công nghệ GIS;
- Nghiên cứu xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát môi trường và điều khiển xử lý chất thải công nghiệp cho nhà máy và các khu công nghiệp;
- Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo và ứng dụng hệ thống theo dõi xác định các hệ vật dị thường trong lòng đất phục vụ cho việc quy hoạch thành phố và các công trình ngầm.

(5). Các trang thiết bị phục vụ đào tạo nguồn nhân lực về tự động hoá:

- Nghiên cứu thiết kế và chế tạo hệ thống đào tạo về tự động hoá quá trình sản xuất có tính liên hợp gắn trong mạng truyền thông công nghiệp;
- Nghiên cứu thiết kế và chế tạo hệ thống robot cho đào tạo;
- Nghiên cứu thiết kế và chế tạo các thiết bị đào tạo trong các lĩnh vực tiên tiến, công nghệ cao.

(6). Đánh giá thực trạng, giải pháp quản lý công nghệ công nghiệp:

- Xây dựng mô hình phát triển KHCN trong doanh nghiệp SX tại Tp.HCM
- Khảo sát, đánh giá thực trạng, nhu cầu và giải pháp đổi mới công nghệ cho các ngành công nghiệp;
- Nghiên cứu, xây dựng mô hình ươm tạo, chuyển giao công nghệ;
- Điều tra, khảo sát thông tin phục vụ cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu công nghệ công nghiệp và tự động hoá;
- Nghiên cứu giải pháp quản lý công nghiệp, năng suất, chất lượng.

Chương trình số 9: Nông nghiệp và Công nghệ Thực phẩm

*** Mục tiêu chung:**

Kết hợp nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng nhằm thực hiện các mục tiêu sau:

- Hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị, tạo ra các sản phẩm nông nghiệp có giá trị kinh tế cao phù hợp với nền sản xuất nông nghiệp đô thị hiện đại.
- Phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, tạo ra những sản phẩm nông nghiệp hữu cơ có năng suất cao, chất lượng tốt phục vụ phát triển kinh tế xã hội nông thôn thành phố.
- Xây dựng và phát triển những mô hình du lịch học tập nông trại, nông thôn.
- Xây dựng cơ sở khoa học và thực tiễn cho công tác quản lý và sử dụng bền vững hệ thống rừng và cây xanh đô thị của thành phố.
- Xây dựng chuỗi liên kết giữa các khâu trồng trọt, chế biến, sản xuất và tiêu thụ, nhằm tạo ra những sản phẩm về nông sản, rau quả, thực phẩm đảm bảo chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm.

*** Mục tiêu cụ thể:**

- Hỗ trợ đạt 1-2 chuỗi sản xuất (heo, bò, gà, rau sạch...) đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.
- Sinh sản nhân tạo 1-2 giống cá cảnh đẹp đáp ứng nhu cầu thị trường.
- Lai tạo ra 1-2 giống hoa lan có giá trị thương phẩm.
- Nghiên cứu tạo ra 1-2 sản phẩm thực phẩm chức năng có nguồn gốc từ thảo dược.

*** Nội dung:**

(1). Trồng trọt:

- Nghiên cứu áp dụng các biện pháp sản xuất rau ăn lá, rau ăn quả an toàn hướng hữu cơ, có hiệu quả kinh tế, theo các tiêu chuẩn trong và ngoài nước như VietGap, GlobalGap;
- Nghiên cứu công nghệ trồng trọt, thu hái, sơ chế, bảo quản theo tiêu chuẩn VietGap, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng các hoạt chất làm thuốc của cây dược liệu, cung cấp nguồn nguyên dược liệu sạch cho ngành công nghiệp dược;
- Nghiên cứu tuyển chọn, nhập nội, sản xuất các loại rau, hoa, cây kiểng thích nghi điều kiện nhiệt đới có năng suất chất lượng cao có khả năng xuất khẩu và cung cấp giống cho thành phố và các tỉnh thành phía Nam, phục vụ chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị;
- Ứng dụng các giải pháp Công nghệ Sinh học trong sản xuất về giống, qui trình canh tác, và bảo vệ thực vật (sử dụng thiên địch, nấm ký sinh, các nhân tố kích kháng, chế phẩm sinh học).

(2). Chăn nuôi:

- Nghiên cứu chọn lọc giống mới theo phương pháp BLUP gắn tính trạng với kiểu gen;
- Nghiên cứu sản xuất và sử dụng các chế phẩm có nguồn gốc thảo dược nhằm thay thế và hạn chế việc sử dụng kháng sinh trong chăn nuôi;
- Nghiên cứu mô hình liên kết sản xuất và xây dựng thương hiệu một số sản phẩm chủ lực của ngành chăn nuôi thành phố (tập trung vào các sản phẩm như heo, gà, bò sữa, cá sấu);
- Nghiên cứu xây dựng vùng chăn nuôi theo tiêu chuẩn GAHP từ khâu chăn

nuôi, giết mổ, chế biến và tiêu thụ sản phẩm;

- Nghiên cứu sản xuất các thiết bị phục vụ nông nghiệp: cho bò sữa, giết mổ.

(3). Thủy hải sản:

- Ưu tiên nghiên cứu kỹ thuật để nhân tạo và lai tạo các giống cá kiểng mới (cá kiểng nước ngọt và nước mặn), cung cấp giống phục vụ cho nhu cầu thị trường cá cảnh trong nước và tiến đến xuất khẩu;
- Ưu tiên khảo sát chọn lọc và phát triển sinh sản một số thủy đặc sản của TPHCM như cá chìa vôi, cá dứa nâng cao giá trị kinh tế;
- Xây dựng quy trình an toàn dịch bệnh cho các cơ sở sản xuất cá cảnh xuất khẩu vào thị trường EU, phát triển mô hình nuôi trồng theo tiêu chuẩn GAP.

(4). Lâm nghiệp và cảnh quan đô thị:

- Xác lập cơ sở khoa học, hệ thống tiêu chí, nguyên lý thiết kế đối với việc xây dựng, phát triển hệ thống cây xanh đường phố phù hợp kiến trúc và cảnh quan nhằm tăng mỹ quan h trong đô thị (nhà ở, chung cư, cơ quan, bệnh viện ...);
- Xây dựng danh mục chủng loại cây xanh đường phố theo hệ thống tiêu chí đã xác định, theo các mức độ thích nghi với điều kiện sinh thái đô thị và nét đặc trưng của thành phố, phân bố theo quận và theo các khu phố chức năng, làm cơ sở để áp dụng trong quá trình quy hoạch và cải tạo lại hệ thống cây xanh đường phố một cách khoa học và bền vững;
- Nghiên cứu đề xuất phương án quy hoạch bố trí cây xanh thí điểm cho các quận nội thành của thành phố, phủ xanh nhà cao tầng trong đô thị.

(5). Phát triển nông thôn mới:

- Phổ cập kiến thức và áp dụng những tiến bộ khoa học công nghệ làm kinh tế hộ gia đình cho nông dân, cải thiện và phát triển kinh tế nông thôn và qui mô hộ gia đình;
- Xây dựng và phát triển những mô hình du lịch học tập nông trại, nông thôn) góp phần nâng cao đời sống kinh tế cho nông thôn thành phố;
- Xây dựng các mô hình sản xuất quy mô lớn theo hướng hợp tác xã (HTX trồng rau, trồng hoa lan cây cảnh), các mô hình liên kết sản xuất công nghệ cao thuận lợi cho áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng sức cạnh tranh hướng tới xây dựng thương hiệu.

(6). Công nghệ thực phẩm:

- Nghiên cứu qui trình công nghệ sản xuất các loại nước uống và thực phẩm chức năng có nguồn gốc từ thảo dược, tạo tiền đề cho việc phát triển những thực phẩm sạch có nguồn gốc từ thiên nhiên.
- Nghiên cứu chuỗi giá trị cung ứng sản phẩm về nông sản, rau, thịt, cá nhằm nâng cao giá trị thương mại cho sản phẩm.
- Nghiên cứu xây dựng mô hình chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ thực phẩm sạch từ trang trại đến bàn ăn, công nghệ đóng gói, bao bì và kiểm soát bảo quản sau thu hoạch.
- Nghiên cứu khảo sát những phẩm màu, hóa chất độc hại trong thực phẩm hàng ngày ảnh đến sức khỏe con người. Nghiên cứu các bộ kit phát hiện nhanh các chất độc hại trong thực phẩm.

Chương trình số 10: Y tế

***Mục tiêu:**

- Làm chủ và phát triển y tế kỹ thuật cao kết hợp sử dụng vốn quý của nền y học cổ truyền Việt Nam, tạo ra tiềm lực KH&CN trong lĩnh vực y tế tiếp cận trình

độ khu vực và quốc tế.

- Đẩy mạnh các nghiên cứu y học cộng đồng nhằm nâng cao sức khỏe người dân thành phố.

*** Nội dung:**

(1). Y học lâm sàng và cận lâm sàng:

- Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật mới trong chẩn đoán (chẩn đoán hình ảnh kỹ thuật cao, sinh học phân tử) và trong điều trị (vi phẫu thuật, phẫu thuật bằng robot, ứng dụng laser, tế bào gốc);
- Nghiên cứu kết hợp Đông Tây y trong phục hồi chức năng và điều trị bệnh mãn tính;

(2). Y học cộng đồng:

- Xác định “Chỉ số sức khỏe và bệnh tật” của người dân thành phố;
- Nghiên cứu tình hình và dự báo tiến triển các bệnh mãn tính không lây (tim mạch, đái tháo đường...) và đề xuất các biện pháp can thiệp nhằm giảm thiểu sự gia tăng bệnh;
- Nghiên cứu các giải pháp phòng ngừa các dịch bệnh truyền nhiễm vùng nhiệt đới;
- Nghiên cứu nâng cao tuổi thọ và chất lượng cuộc sống ở người già;
- Nghiên cứu và triển khai các biện pháp nâng cao công tác an toàn vệ sinh thực phẩm;
- Nghiên cứu cải thiện an toàn - vệ sinh lao động trong các cơ sở sản xuất tại TP.Hồ Chí Minh.

(3). Quản lý y tế:

- Nghiên cứu các chiến lược và giải pháp thực hiện chăm sóc sức khỏe ban đầu ở một thành phố lớn trong quá trình CNH-HĐH;
- Nghiên cứu biện pháp quản lý ngành phù hợp chủ trương xã hội hóa hoạt động chăm sóc sức khỏe (chính sách, kế hoạch, lộ trình...);
- Nghiên cứu chiến lược trang thiết bị ngành y tế TP.Hồ Chí Minh thực hiện theo chủ trương: kỹ thuật cao, kinh phí thấp;
- Nghiên cứu mô hình quản lý, sử dụng dược phẩm trong các bệnh viện, trung tâm y tế dự phòng.

Chương trình số 11: Vườn ươm sáng tạo KH&CN trẻ

*** Mục tiêu:**

- Khuyến khích và tạo điều kiện cho lực lượng trí thức khoa học trẻ tham gia nghiên cứu khoa học phục vụ phát triển kinh tế – xã hội Tp.HCM
- Phát huy hiệu quả tiềm lực khoa học kỹ thuật trên địa bàn TP, đặc biệt đối với các đối tượng là sinh viên, các giảng viên trẻ, nghiên cứu viên trẻ của các trường viện; thanh niên công nhân, kỹ sư tại các nhà máy; cán bộ công chức tại các phường xã, quận huyện, sở ngành.
- Góp phần tạo các sản phẩm khoa học ứng dụng vào thực tế.
- Hướng tới xã hội hóa vốn đầu tư, thu hút có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư cho phát triển khoa học công nghệ.
- Cơ quan chủ trì tăng cường quản lý các chủ nhiệm đề tài; hỗ trợ chủ nhiệm đề tài trong các giai đoạn trước, trong và sau khi nghiên cứu.
- Chỉ tiêu vận động hàng năm 150 đề tài, đạt 30 đề tài được xét duyệt.

***Nội dung:**

(1). Đẩy mạnh nghiên cứu triển khai ứng dụng và chú trọng nghiên cứu cơ bản gắn liền với mục tiêu và nội dung của các chương trình nghiên cứu khoa học và công nghệ bao gồm các lĩnh vực:

- Công nghệ thông tin: đẩy mạnh nghiên cứu việc ứng dụng CNTT vào các ngành kinh tế – xã hội và góp phần hỗ trợ các ngành phát triển;
- Công nghệ hàng không vũ trụ: hướng đến các nghiên cứu trong lĩnh vực hàng không, vệ tinh, vũ trụ; phát triển các thiết bị bay tự động hoặc mô phỏng các quá trình khí động lực học, các thiết bị turbin gió...;
- Công nghệ sinh học: đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học trong phát triển giống cây, giống con chất lượng cao, trong các lĩnh vực y dược, chế biến thực phẩm và bảo vệ môi trường;
- Vật liệu mới: ưu tiên các đề tài nghiên cứu vật liệu thay thế ngoại nhập, vật liệu mới công nghệ cao, công nghệ Nano, vật liệu Composite;
- Cơ khí – Tự động hóa: phục vụ hiện đại hóa công nghiệp, nghiên cứu chế tạo các robot phục vụ sản xuất, sinh hoạt và giải trí;
- Năng lượng: Nghiên cứu chế tạo các loại năng lượng sinh học thay thế, các công nghệ kỹ thuật sử dụng năng lượng sạch và tiết kiệm;
- Y tế: Nghiên cứu chế tạo các sản phẩm hỗ trợ sức khỏe cộng đồng, cải tiến các thiết bị chăm sóc sức khỏe và các phương thức điều trị mới hiệu quả, an toàn, tiết kiệm;
- Chương trình giám ô nhiễm môi trường tập trung kiểm soát, ngăn chặn và đẩy lùi ô nhiễm không khí, tiếng ồn, nước mặt, nước ngầm, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại; khắc phục những nơi bị ô nhiễm nghiêm trọng; tăng cường cây xanh, vườn hoa, thảm cỏ, tiểu đảo, công viên... Nghiên cứu về biến đổi khí hậu, các tác động và cách ứng phó. Các giải pháp nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của doanh nghiệp, người dân.

(2). Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn thuộc các lĩnh vực:

- Khoa học xã hội và nhân văn: nghiên cứu hoàn thiện mối quan hệ giữa thành phố với khu vực và thế giới trong xu hướng hội nhập và toàn cầu hóa. Tiếp tục nghiên cứu làm rõ lịch sử phát triển, đặc điểm con người và văn hóa thành phố. Nghiên cứu chính sách và cơ chế trong quản lý và giải pháp nhằm nâng cao sức cạnh tranh của các sản phẩm công nghiệp của thành phố thành phố, chuẩn bị điều kiện cho hội nhập với khu vực và thế giới;
- Nghiên cứu chính sách nâng cao cạnh tranh các sản phẩm;
- Quản lý đô thị: nghiên cứu đề xuất hướng giải quyết những vấn đề mới trong công tác quản lý đô thị và giao thông công cộng... nhằm tăng cường tính hiệu lực của quản lý nhà nước. Chương trình giảm ùn tắc giao thông: phát triển nhanh vận tải hành khách công cộng, ưu tiên giao thông công cộng sức chở lớn; nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người tham gia giao thông; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước;
- Giáo dục đào tạo: nghiên cứu giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục kỹ thuật nghiệp vụ và các trường THPT, Cao đẳng, Đại học trên địa bàn thành phố. Định hướng chọn ngành nghề và định hướng giá trị nghề nghiệp trong xã hội cho SV-HS. Giải pháp thu hút, khuyến khích thanh niên học nghề. Đổi mới phương pháp giảng dạy trong trường trung học cơ sở và trung học phổ thông: nhằm thúc đẩy lực lượng giáo viên trẻ đề xuất các phương pháp sáng tạo, xây dựng mô hình mới trong giảng dạy tại các trường;

- Thể dục thể thao: nghiên cứu về thể dục thể thao cho mọi người, thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp; nghiên cứu đánh giá thực trạng các hoạt động quản lý TDTT qua đó xây dựng các giải pháp đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động TDTT trên địa bàn thành phố;
- Khuyến khích nghiên cứu các đề tài liên quan đến 6 chương trình đột phá của thành phố;
- Đẩy mạnh, khuyến khích nghiên cứu các đề tài liên quan đến tổ chức và hoạt động của tổ chức Đoàn, Hội, Đội và thanh thiếu nhi; các đề tài theo đặt hàng của các ban ngành và Đoàn TNCS thành phố.

Chương trình số 12: Khoa học và Công nghệ Năng lượng

*** Mục tiêu:**

- Đề xuất được và hỗ trợ triển khai thành công các cơ chế, chính sách thúc đẩy hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, ứng dụng các dạng năng lượng tái tạo (mặt trời, gió, nhiên liệu sinh học) trên địa bàn thành phố;
- Làm chủ và hỗ trợ chuyển giao các giải pháp kỹ thuật, công nghệ sử dụng hợp lý và hiệu quả năng lượng cho các ngành công nghiệp, thương mại và giao thông;
- Làm chủ và hướng tới thương mại hóa các công nghệ năng lượng tái tạo, năng lượng sạch ở quy mô công nghiệp;

*** Nội dung:**

1. Cơ chế, chính sách

- Cơ chế trợ giá cho các dạng năng lượng tái tạo phù hợp với điều kiện TP.HCM;
- Chính sách thu hút đầu tư sản xuất và ứng dụng năng lượng tái tạo.

2. Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

- Xây dựng các chỉ tiêu suất tiêu thụ năng lượng cho các loại tòa nhà, các ngành sản xuất doanh nghiệp tiêu thụ năng lượng trong điểm;
- Đánh giá khả năng thay thế thiết bị, công nghệ sử dụng điện năng tiết kiệm và hiệu quả cho các tòa nhà thương mại và sản xuất công nghiệp;

3. Năng lượng tái tạo và năng lượng sạch

- Công nghệ chế tạo tuabin gió công suất nhỏ;
- Pin nhiên liệu ứng dụng trong sinh hoạt, công nghiệp, giao thông;
- Giải pháp đẩy mạnh ứng dụng nhiên liệu sinh học, đặc biệt là xăng sinh học E5 ở TP.HCM.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTTU; TTUBND;
- Ban GD Sở; các đơn vị trực thuộc;
- Lưu VT; QLKH; Ho.360



Phan Minh Tân

B - CÁC QUY ĐỊNH ĐIỀU KIỆN THAM GIA SƠ TUYỂN ĐỀ TÀI

I. Những quy định chung:

Điều 1.

1. Việc sơ tuyển đề tài, dự án KH&CN là quá trình xem xét đánh giá các hồ sơ tham gia sơ tuyển để lựa chọn tổ chức và cá nhân có số điểm đạt yêu cầu chuẩn bị đưa vào kế hoạch KH&CN hàng năm của thành phố.
2. Đề tài KH-CN phải đảm bảo có giá trị khoa học và công nghệ, có tính mới, tính sáng tạo, tính tiên tiến về công nghệ, tính cấp thiết, tính thực tiễn, tính khả thi và tính liên ngành.
3. Dự án KH&CN chủ yếu tập trung triển khai kết quả nghiên cứu của các chương trình khoa học và công nghệ ưu tiên, phục vụ phát triển các ngành kinh tế quan trọng, tạo ra quy trình công nghệ và sản phẩm mới có chất lượng và tính cạnh tranh cao, đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.
4. Đề tài cùng nội dung nghiên cứu (đã, đang hoặc chờ nhận kinh phí nghiên cứu thuộc ngân sách Nhà nước hoặc các nguồn vốn khác) không được đăng ký sơ tuyển.
5. Các đề tài đăng ký thuộc chương trình Vườn ươm Sáng tạo KH&CN trẻ có quy định bổ sung như sau:
 - Cơ quan chủ trì: Trung tâm Phát triển KH&CN trẻ.
 - Độ tuổi của chủ nhiệm đề tài dưới 35 tuổi.
 - Không chủ trì quá 02 đề tài đã được xét duyệt, nghiệm thu trong chương trình.
 - Kinh phí thực hiện ≤ 80 triệu.

Điều 2.

1. Các đề tài, dự án KH&CN được ưu tiên:
 - Giải quyết các vấn đề đặt hàng, các dự án lớn của thành phố.
 - Các dự án sản xuất thử nghiệm trên cơ sở các đề tài đã được nghiệm thu.
 - Các đề tài có nhiều địa chỉ ứng dụng và có các nguồn kinh phí khác ngoài kinh phí từ ngân sách.
2. Các đề tài nghiên cứu khoa học, các dự án sản xuất thử nghiệm từ năm 2013 được chia thành 3 nhóm:
 - Các đề tài nghiên cứu cơ bản, khoa học xã hội và nhân văn được ngân sách đầu tư 100% kinh phí nghiên cứu.
 - Các đề tài nghiên cứu triển khai sẽ theo cơ chế đồng đầu tư, tỷ lệ đầu tư từ ngân sách và cơ quan ứng dụng được hai bên thỏa thuận.
 - Các dự án nghiên cứu lớn, tạo sản phẩm thuộc lĩnh vực công nghệ cao, tạo sản phẩm mới. Ngân sách đầu tư kinh phí lớn, thu hồi từ chuyển giao công nghệ.

Điều 3.

1. Các tổ chức, cơ quan (dưới đây gọi là tổ chức) có tư cách pháp nhân, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực khoa học và công nghệ của đề tài, dự án đều có quyền tham gia đăng ký chủ trì đề tài, dự án.
2. Mỗi tổ chức được đồng thời chủ trì nhiều đề tài, dự án phù hợp với lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức và phải đảm bảo có đủ số lượng cán bộ khoa học, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện các nhiệm vụ KH&CN. Mỗi đề tài, dự án chỉ có một cơ quan chủ trì thực hiện.
3. Cá nhân đăng ký tham gia thực hiện đề tài, dự án (làm chủ nhiệm) phải có chuyên môn cùng lĩnh vực khoa học và công nghệ mà mình đăng ký (được đào tạo hoặc làm việc ít nhất 3 năm trong lĩnh vực đó) hoặc liên quan đến lĩnh vực

- khoa học và công nghệ đó (kèm theo điều kiện đội ngũ cộng tác viên tham gia đề tài phải có chuyên môn phù hợp cùng lĩnh vực)
4. Mỗi cá nhân không đồng thời làm chủ nhiệm hoặc đồng chủ nhiệm quá 2 đề tài, hoặc 1 dự án cấp thành phố (cho đến khi nghiệm thu). Mỗi đề tài, dự án có tối đa 2 đồng chủ nhiệm.
 5. Cá nhân đăng ký thực hiện đề tài, dự án bị trễ hạn quá 18 tháng chưa nghiệm thu, chưa quyết toán (không chứng minh được lý do chính đáng) sẽ không được đăng ký thực hiện đề tài, dự án khoa học và công nghệ trong 2 năm tiếp theo tính từ thời điểm nghiệm thu hoặc thanh lý và quyết toán kinh phí, hoặc bị xuất toán thu hồi lại kinh phí đã cấp.
 6. Các tổ chức có 3 đề tài, dự án trễ hạn hoặc không quyết toán kinh phí trên 18 tháng trở lên thì không được đăng ký chủ trì đề tài, dự án trong 2 năm tiếp theo tính từ thời điểm nghiệm thu hoặc thanh lý và quyết toán kinh phí, hoặc bị xuất toán thu hồi lại kinh phí đã cấp.

II. Đăng ký tham gia sơ tuyển

Điều 4. Hồ sơ đăng ký tham gia sơ tuyển gồm những văn bản dưới đây:

1. Phiếu đăng ký đề tài, dự án KH&CN sơ tuyển năm 2013 (theo mẫu)
2. Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký đề tài (theo mẫu)
3. Tóm tắt hoạt động KH&CN của tổ chức đăng ký chủ trì đề tài (theo mẫu)
4. Danh mục phụ lục đính kèm (nếu có)
5. Riêng hồ sơ đăng ký dự án KH&CN cần kèm theo các văn bản, tài liệu liên quan các đề tài KH&CN đã được nghiệm thu.

Điều 5.

1. Cá nhân và tổ chức tham gia sơ tuyển đề tài cần gửi bộ hồ sơ (mỗi bộ gồm **01 bản gốc và 11 bản sao**) gửi đến Phòng Quản lý Khoa học - Sở Khoa học và Công nghệ TP. HCM, số 244 Điện Biên Phủ Quận 3 TP.HCM (trực tiếp hoặc qua bưu điện) trong thời hạn quy định;
2. Hồ sơ phải nộp đúng hạn, ngày nhận hồ sơ được tính là ngày ghi dấu của bưu điện (nếu nộp qua đường bưu điện) hoặc ngày nhận trực tiếp tại Phòng Quản lý Khoa học.

Điều 6.

Trong khi chưa hết thời hạn nộp hồ sơ, cá nhân và tổ chức đăng ký tham gia sơ tuyển có quyền rút hồ sơ, thay đổi hồ sơ mới, bổ sung hoặc sửa đổi hồ sơ đã gửi đến Phòng Quản lý Khoa học, Sở Khoa học và Công nghệ TP.HCM. Mọi bổ sung và sửa đổi phải được thực hiện trong thời hạn quy định.

III. Tổ chức hội đồng đánh giá hồ sơ

Điều 7. Thời hạn nhận hồ sơ

Hồ sơ sẽ được nhận kể từ ngày **29** tháng 5 đến ngày **20** tháng 7 năm **2012**

Điều 8

1. Những hồ sơ thỏa mãn các điều kiện quy định tại điều 3,4,5 nêu trên được đưa vào xem xét đánh giá.
2. Chủ nhiệm đề tài và những người tham gia thực hiện đề tài nào thì không được tham gia chấm điểm đề tài đó.
3. Việc đánh giá hồ sơ được tiến hành bằng phương pháp chấm điểm theo điều 9 của quy định này.

Điều 9: Hội đồng sơ tuyển

1. Sở KH&CN thành lập các Hội đồng sơ tuyển theo từng chuyên ngành.

2. Mỗi hội đồng có từ 7 đến 11 thành viên, gồm đại diện các nhà khoa học, các chuyên gia công nghệ có uy tín, khách quan, có trình độ chuyên môn phù hợp và am hiểu lĩnh vực được giao đánh giá, đại diện các cơ sở đăng ký áp dụng kết quả nghiên cứu, các nhà kinh tế, các nhà quản lý, thành viên các Ban chủ nhiệm chương trình KH&CN của TP.HCM.
3. Hội đồng họp thảo luận, đánh giá bằng cách bỏ phiếu kín chấm điểm.
4. Nếu phiếu điểm có sự chênh lệch điểm từ 30% so với điểm trung bình của hội đồng thì phiếu điểm đó không có giá trị và bị loại bỏ.

IV. Mẫu chấm điểm của Hội đồng sơ tuyển

Điều 10. Mỗi hồ sơ của đề tài được Hội đồng sơ tuyển chấm điểm tối đa đối với từng nội dung đánh giá theo mẫu sau:

STT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	Khối KHTN&KT	Khối KHXX&NV	Khối NCCB
1	Tính cấp thiết của đề tài, dự án (mức độ phù hợp và đáp ứng các nhiệm vụ mục tiêu trọng điểm được xác định, các nhu cầu cấp bách của thành phố)	10	10	5
2	Tính mới và sáng tạo của cách tiếp cận nghiên cứu	5	5	15
3	Mục tiêu, nội dung, phương pháp và sản phẩm nghiên cứu , bao gồm:	35	40	45
	3.1. Mục tiêu nghiên cứu (rõ ràng, khả thi, phù hợp với vấn đề cần giải quyết)	5	10	5
	3.2. Nội dung nghiên cứu (tính logic và phù hợp của các nội dung nghiên cứu để đạt mục tiêu nghiên cứu)	15	15	20
	3.3. Phương pháp nghiên cứu (đầy đủ, cập nhật và phù hợp để đạt mục tiêu nghiên cứu)	10	10	10
	3.4. Sản phẩm nghiên cứu (đầy đủ, hợp lý so với mục tiêu và nội dung nghiên cứu)	5	5	10
4	Thời gian và kinh phí nghiên cứu	5	5	5
5	Năng lực chuyên môn, khả năng tổ chức thực hiện đề tài, dự án của chủ nhiệm đề tài và cộng tác viên	15	15	15
6	Năng lực và kinh nghiệm tổ chức thực hiện đề tài, dự án của cơ quan chủ trì và các cơ quan phối hợp	10	10	10
7	Khả năng triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu của đề tài, dự án	20	15	5
Tổng		100	100	100

V. Thông báo kết quả sơ tuyển

Điều 11.

Sở Khoa học và Công nghệ TP.HCM sẽ thông báo kết quả sơ tuyển đến từng cá nhân đăng ký chủ nhiệm đề tài và cơ quan chủ trì đề tài, thông báo kết quả lên mạng CityWeb của thành phố.

1. Đề tài đạt từ 70/100 điểm trở lên được trình UBNDTP phê duyệt kế hoạch nghiên cứu khoa học và công nghệ hàng năm của thành phố, được xếp theo thứ tự từ cao đến thấp.
2. Sau khi được UBNDTP phê duyệt kế hoạch nghiên cứu khoa học và công nghệ hàng năm, chủ nhiệm đề tài phải bảo vệ đề cương nghiên cứu trước Hội đồng khoa học chuyên ngành.
3. Nếu cùng nội dung nhưng hội đồng sơ tuyển chọn từ hai cá nhân, tổ chức trở lên thì đề tài dạng này áp dụng xét duyệt đề cương khoa học theo phương án cùng thỏa thuận chọn chủ nhiệm đề tài và cơ quan chủ trì hoặc theo hình thức tuyển chọn.
4. Nếu đề tài đã được ghi vào kế hoạch nhưng chủ nhiệm đề tài chưa nộp đề cương xét duyệt trong năm kế hoạch thì năm sau phải sơ tuyển lại, không bảo lưu kết quả sơ tuyển của năm trước, trừ trường hợp có ý kiến của Ban Chủ nhiệm chương trình và Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị bảo lưu vì tính cấp thiết và tính khoa học của đề tài.

Điều 12.

Mọi khiếu nại có liên quan đến việc sơ tuyển và kết quả sơ tuyển được thực hiện trong vòng **06** tháng kể từ ngày công bố kết quả sơ tuyển. Hồ sơ khiếu nại (nếu có) phải được lập thành văn bản và gửi cho phòng Quản lý Khoa học, Sở Khoa học và Công nghệ TP.HCM (trực tiếp hoặc qua bưu điện). Ngày nhận hồ sơ khiếu nại được tính là ngày nhận hồ sơ trực tiếp tại phòng Quản lý Khoa học, Sở Khoa học và Công nghệ TP.HCM hoặc ngày ghi dấu của bưu điện (nếu nộp qua đường bưu điện).

Các cá nhân, tổ chức có nhu cầu tìm hiểu rõ hơn về mục tiêu, nội dung và quy trình đăng ký sơ tuyển đề tài năm 2013 xin vui lòng liên hệ:

1. TS. Phan Thu Nga: Trưởng phòng Quản lý Khoa học
Điện thoại: 39325901
2. ThS. Đinh Minh Hiệp: Phó Trưởng phòng Quản lý Khoa học
Điện thoại: 39325883
3. ThS. Phạm Văn Xu: Phó Trưởng phòng Quản lý Khoa học
Điện thoại: 39325809

Website: www.dost.hochiminhcity.gov.vn

PHIẾU ĐĂNG KÝ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(tham gia sơ tuyển năm 2013)

1. Tên đề tài, dự án: (cần rõ ràng và ngắn gọn)
2. Tên và địa chỉ liên lạc của cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm: (gồm học vị, chức danh khoa học và chức vụ nếu có, địa chỉ, điện thoại, E-mail để thuận tiện khi liên lạc)
3. Thuộc chương trình: (ghi rõ tên chương trình)
4. Cơ quan chủ trì: (tên cơ quan, địa chỉ, điện thoại)
5. Cơ quan và cán bộ phối hợp chính:
 - 5.1. Cơ quan phối hợp chính (nêu rõ phối hợp giải quyết vấn đề cụ thể)
 - 5.2. Cán bộ phối hợp chính

TT	Họ và tên (Học vị và chức danh KH)	Chuyên ngành	Cơ quan công tác	Chữ ký xác nhận tham gia đề tài
1				
2				
3				
4				

6. Tên các đơn vị đặt hàng hoặc ứng dụng kết quả nghiên cứu: (kèm văn bản xác nhận)
7. Tính cấp thiết của đề tài, dự án: (nêu rõ lý do thực hiện đề tài, dự án; ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài, dự án)
8. Mục tiêu của đề tài, dự án:
9. Nội dung của đề tài, dự án:
10. Phương pháp tiến hành:
11. Sản phẩm của đề tài, dự án:
12. Phương thức phổ biến hoặc chuyển giao kết quả nghiên cứu - triển khai:
13. Thời gian thực hiện: (tối đa không quá 24 tháng, riêng các đề tài nghiên cứu giống cây, giống con và nghiên cứu liên quan đến cơ thể con người có thể lâu hơn nhưng không quá 36 tháng)
14. Kinh phí dự kiến: (tổng kinh phí, trong đó cụ thể nguồn ngân sách thành phố, nguồn khác nếu có)

Cơ quan chủ trì
(Ký tên, đóng dấu)

Cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm đề tài
(Ký và ghi rõ họ tên, học vị)

Mẫu phiếu đăng ký (trình bày không quá 15 trang đánh vi tính, khổ giấy A4)

LÝ LỊCH KHOA HỌC CỦA CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN

1. Họ và tên:			
2. Năm sinh:		3. Nam/Nữ:	
4. Chức danh khoa học:		Năm được phong chức danh	
KH:			
Học vị:		Năm đạt học vị:	
5. Chức danh nghiên cứu:		Chức vụ (Nếu có)	
6. Địa chỉ nhà riêng:			
7. Điện thoại: Cơ quan:		; Nhà riêng:	; Di động:
8. Fax:		E-mail:	
9. Cơ quan - nơi làm việc của cá nhân đăng ký chủ nhiệm đề tài, Dự án:			
Tên người Lãnh đạo Cơ quan:			
Điện thoại người Lãnh đạo Cơ quan:			
Địa chỉ Cơ quan:			
10. Quá trình đào tạo			
Bậc đào tạo	Nơi đào tạo	Chuyên môn	Năm tốt nghiệp
Đại học			
Thạc sỹ			
Tiến sỹ			
Thực tập sinh khoa học			

11. Quá trình công tác			
Thời gian (Từ năm ... đến năm...)	Vị trí công tác	Cơ quan công tác	Địa chỉ Cơ quan

12. Các công trình công bố chủ yếu (liệt kê tối đa 05 công trình tiêu biểu đã công bố liên quan đến đề tài, dự án tuyển chọn trong 5 năm gần nhất)				
TT	Tên công trình (bài báo, công trình...)	Là tác giả hoặc là đồng tác giả công trình	Nơi công bố (tên tạp chí đã đăng công trình)	Năm công bố
1				
2				

13. Số lượng văn bằng bảo hộ sở hữu trí tuệ đã được cấp (liên quan đến đề tài, dự án tuyển chọn - nếu có)		
TT	Tên và nội dung văn bằng	Năm cấp văn bằng
1		
2		

14. Số công trình được áp dụng trong thực tiễn (liên quan đến đề tài, dự án tuyển chọn - nếu có)			
TT	Tên công trình	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)
1			
2			

15. Các đề tài, dự án, nhiệm vụ khác đã chủ trì hoặc tham gia (trong 5 năm gần đây thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, dự án tuyển chọn - nếu có)			
<i>Tên đề tài, dự án, nhiệm vụ khác đã chủ trì</i>	<i>Thời gian (bắt đầu - kết thúc)</i>	<i>Thuộc Chương trình (nếu có)</i>	<i>Tình trạng đề tài (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)</i>
<i>Tên đề tài, dự án, nhiệm vụ khác đã tham gia</i>	<i>Thời gian (bắt đầu - kết thúc)</i>	<i>Thuộc Chương trình (nếu có)</i>	<i>Tình trạng đề tài (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)</i>
16. Giải thưởng (về KH-CN, về chất lượng sản phẩm,... liên quan đến đề tài, dự án tuyển chọn - nếu có)			
TT	Hình thức và nội dung giải thưởng	Năm tặng thưởng	
17. Thành tựu hoạt động KH-CN và sản xuất kinh doanh khác (liên quan đến đề tài, dự án tuyển chọn - nếu có)			

....., ngày tháng năm 2012

Tổ chức - nơi làm việc của cá nhân đăng ký chủ nhiệm đề tài, dự án SXTN
 (Xác nhận và đóng dấu)

Cá nhân đăng ký chủ nhiệm đề tài, dự án SXTN
 (Họ tên và chữ ký)

Đơn vị đồng ý và sẽ dành thời gian cần thiết để Ông, Bà chủ trì thực hiện đề tài, dự án

TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI

1. Tên tổ chức (cơ quan):
2. Chức năng hoạt động:
3. Số cán bộ nghiên cứu hiện có liên quan đến đề tài, dự án tham gia sơ tuyển:
4. Kinh nghiệm và thành tựu nghiên cứu trong 5 năm gần nhất
5. Cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có liên quan đến đề tài, dự án tham gia sơ tuyển (nhà xưởng, trang thiết bị chủ yếu)
6. Khả năng huy động cộng tác viên khác cùng tham gia nghiên cứu
7. Khả năng thuê mượn cơ sở vật chất kỹ thuật (*nếu phải thuê mượn*)

Tp.Hồ Chí Minh , ngàythángnăm 2012

Thủ trưởng

Cơ quan đăng ký chủ trì đề tài, dự án

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)